

PHƯƠNG PHÁP PHOTOVOICE TRONG LĨNH VỰC SỰ PHẠM

LÊ MINH TIẾN*
NGUYỄN NGỌC ANH**

Cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm trong hoạt động giảng dạy đã được bàn đến từ lâu qua các nghiên cứu về phương pháp sự phạm. Lối tiếp cận này xuất phát từ sự thay đổi về cách hiểu đối với bản chất của việc học và từ các lý thuyết thuộc trường phái kiến tạo.

Trong số nhiều phương pháp giảng dạy dựa trên nền tảng của thuyết kiến tạo, phương pháp “Tiếng nói từ hình ảnh” (Photovoice method) có thể được xem là một phương pháp hữu hiệu để thúc đẩy việc học chủ động và đồng kiến tạo kiến thức nơi người học trong quá trình học tập. Bài viết điểm lại tiến trình hình thành, các nguyên tắc sử dụng phương pháp photovoice trong giảng dạy như một gợi ý cho việc vận dụng phương pháp này trong môi trường đại học hiện nay.

Từ khóa: phương pháp giảng dạy, phương pháp photovoice, tiếng nói từ hình ảnh, sinh viên, học tập có sự tham gia

Nhận bài ngày: 26/10/2023; *đưa vào biên tập:* 27/10/2023; *phản biện:* 29/10/2023; *duyet đăng:* 15/11/2023

1. DẪN NHẬP

Trong hoạt động giảng dạy, phương pháp giảng dạy lấy sinh viên hay người học làm trung tâm đã ra đời từ sự thay đổi trong cách hiểu về bản chất của việc dạy và học, cụ thể là từ sự xuất hiện của quan điểm kiến tạo luận (Constructivism) và nền sự phạm mang tính phê phán (Critical pedagogy). Theo đó, việc học mang tính kiến tạo hay nền sự phạm mang tính phê phán yêu cầu người học tự xây dựng kiến thức cho bản thân và họ cũng có quyền ngang bằng với người dạy trong việc kiến tạo tri thức (Goodhart,

et al., 2006; Harper, 2002). Lối tiếp cận này xem tri thức là một quá trình được kiến tạo, trong đó, người học nắm vai trò chủ động, là “kiến trúc sư” cho việc học và tìm kiếm tri thức của bản thân chứ không phải là những người tiếp nhận thụ động các tri thức do người dạy truyền đạt. Như vậy người học là người có sự tự chủ và có quyền được tham gia vào việc tạo dựng tri thức trong quá trình học.

Trong số các phương pháp giảng dạy phát huy tính chủ động, đề cao sự tự chủ của người học thì phương pháp “tiếng nói từ hình ảnh” (Photovoice method) là một trong những phương pháp có thể được áp dụng trong nhiều

* Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

** Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

môn học thuộc khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn.

2. NGUỒN GỐC CỦA PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY TIẾNG NÓI TỪ HÌNH ẢNH

Phương pháp tiếng nói từ hình ảnh trước tiên là một phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong loại hình nghiên cứu định tính (qualitative research). Về sau, phương pháp này đã được ứng dụng sang lĩnh vực giảng dạy và được xem như một phương pháp sư phạm (photovoice as pedagogy). Chio và Fandt (2007) đã cho thấy việc áp dụng phương pháp tiếng nói từ hình ảnh vào việc giảng dạy làm tăng khả năng tham gia và tăng tính tự chủ của người học trong quá trình học. Schell và đồng sự (2009) đã chứng minh phương pháp này được ứng dụng một cách hữu hiệu trong việc giảng dạy xã hội học mang tính thị giác (teaching visual sociology). Không chỉ trong việc giảng dạy xã hội học, phương pháp này còn được ứng dụng trong việc giảng dạy công tác xã hội và ngoại ngữ. Lichty (2013) cũng đã áp dụng phương pháp tiếng nói từ hình ảnh vào trong việc giảng dạy môn tâm lý học. Lichty cho rằng, phương pháp giảng dạy này giúp cho sinh viên thảo luận những khái niệm căn bản trong tâm lý học một cách sinh động hơn thông qua việc sử dụng các hình ảnh tương ứng.

Trong lĩnh vực giáo dục, “Tiếng nói từ hình ảnh” (Photovoice) là một trong những phương pháp dạy học và hành

động có sự tham gia (Participatory Learning and Action – PLA) chú trọng phát triển tư duy mang tính phê phán, khả năng phân tích và hành động chung cho người học. Hiểu một cách chung nhất, phương pháp này bao gồm hai thành tố là “photos” (hình ảnh) và “voicing” (lời nói, tiếng nói về), là cách thức bày tỏ, thể hiện những góc nhìn, sự trải nghiệm, hay những nhu cầu của cá nhân hay nhóm về những vấn đề quan tâm thông qua hình ảnh. Xét về mặt nguồn gốc của phương pháp giảng dạy này, theo Latz và đồng sự (2016), phương pháp bắt nguồn từ ba khung lý thuyết bao gồm nền sư phạm phê phán (Critical pedagogy), thuyết nữ quyền (Feminist theory) và phương pháp nhiếp ảnh tài liệu (Documentary photography).

Trước hết, phương pháp giảng dạy tiếng nói từ hình ảnh bắt nguồn từ nền sư phạm phê phán. Nền sư phạm phê phán hay còn gọi là nền giáo dục trao quyền (Empowerment education) phát xuất từ quan điểm của nhà giáo dục học người Brazil là Paulo Freire (1921-1997). Trong công trình *Nền sư phạm của người bị áp bức* (Pedagogy of the Oppressed) xuất bản vào năm 1968, Freire gọi là mô hình “giáo dục ngân hàng” (banking), trong đó người học là các tài khoản rỗng mà người thầy sẽ cố gắng ký thác càng nhiều kiến thức càng tốt, tức người học chỉ như một chiếc túi chứa đựng kiến thức từ người dạy. Hệ quả của lối giáo dục này là người học hạn chế phát triển ý thức phê phán, thụ động

tiếp nhận vai trò mà người ta áp đặt lên mình, có xu hướng thích nghi với hiện trạng và có cái nhìn rời rạc về thực tế, dẫn tới cái mà Freire gọi là “văn hóa im lặng” (culture of silence). Từ đó, ông đề xuất dân chủ hóa giáo dục bằng phương pháp đặt vấn đề (problem-posing education), theo đó “người học phát triển năng lực nhận thức phê phán về cách thức họ hiện hữu trong thế giới, và họ nhận ra chính mình cùng thế giới đó và ở trong thế giới đó; họ đi đến chỗ thấy thế giới không phải là một hiện thực tĩnh trạng mà là một hiện thực đang trong quá trình biến đổi” (Latz, et al., 2016). Như vậy, nền sư phạm phê phán xem tri thức được phát triển thông qua sự đối thoại và tương tác giữa người học và người dạy và cả hai phía đồng chịu trách nhiệm trong việc kiến tạo tri thức.

Nguồn gốc thứ hai của phương pháp giảng dạy tiếng nói từ hình ảnh là lý thuyết nữ quyền. Theo Wang (Liebenberg, 2018; McClure, 2000), phụ nữ là những người có thẩm quyền về cuộc sống của riêng họ. Vì thế, phụ nữ không nên chỉ là đối tượng của việc nghiên cứu, đối tượng được giáo dục hay là đối tượng của những hành động do người khác thực hiện mà họ chính là những chủ thể tích cực và chủ động trong giáo dục và hành động. Vì thế, nền giáo dục theo nhãn quan của thuyết nữ quyền phải là nền giáo dục có sự hợp tác và gắn kết với phụ nữ theo nguyên tắc “không có gì làm cho phụ nữ mà

không có sự tham gia của phụ nữ” (Noting-for-us-without-us). Chỉ có nền giáo dục như vậy mới thúc đẩy sự trao quyền và giải phóng phụ nữ. Từ đó, “nền sư phạm nữ quyền” (Feminist pedagogy) hướng đến mục tiêu giải phóng người học khỏi những tiêu chuẩn đánh giá cứng nhắc mà thay vào đó là thúc đẩy sự sáng tạo tự do cho người học. Để làm được điều đó đòi hỏi các phương pháp giảng dạy phải giúp phát triển khả năng tư duy và các kỹ năng của người học không chỉ trong khuôn khổ của bài học hay lớp học mà cả ở ngoài xã hội. Trong nền sư phạm này, người học được khuyến khích từ bỏ tâm thế học thụ động; thay vào đó là tự kiểm soát và tự kiến tạo việc học của bản thân (Lichty, 2013).

Nguồn gốc thứ ba của phương pháp giảng dạy tiếng nói từ hình ảnh xuất phát từ phương pháp nhiếp ảnh tư liệu. Đối với phương pháp nhiếp ảnh tư liệu, Harper (Giroux, 2010) cho rằng hình ảnh mang lại những trải nghiệm sống phong phú. Thứ nhất, các hình ảnh cung cấp những cảm xúc và suy nghĩ mà lời kể chuyện thông thường không thể thực hiện được. Thứ hai, việc giải thích một bức ảnh nào đó tạo ra một không gian mang tính phê phán trong quá trình tìm hiểu một vấn đề nào đó, chẳng hạn như người tham gia sẽ phải thảo luận xem vì sao bức ảnh đó được tạo ra trong khoảnh khắc ấy và nó muốn nói lên điều gì. Thứ ba, việc thảo luận, giải thích các bức ảnh là cơ hội để

thực hiện sự đồng trải nghiệm (co-experience) giữa những người tham gia khi họ cùng nhau chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ và những trải nghiệm của bản thân.

Như vậy, cơ sở lý luận hình thành nên phương pháp giảng dạy tiếng nói từ hình ảnh là những lý thuyết, những lối tiếp cận đề cao vai trò của người học, sự bình đẳng giữa người dạy và người học trong quá trình kiến tạo tri thức.

3. ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP TIẾNG NÓI TỪ HÌNH ẢNH TRONG GIẢNG DẠY

Phương pháp tiếng nói từ hình ảnh là phương pháp sử dụng hình ảnh trong giảng dạy. Những hình ảnh này chủ yếu cho chính người học tạo ra để kể những câu chuyện, cách nhìn, hay những suy nghĩ của họ về các vấn đề được đặt ra trong quá trình học. Giảng dạy theo phương pháp tiếng nói từ hình ảnh mang lại những lợi ích như sau:

- Làm tăng kỹ năng và hiểu biết về nhiếp ảnh và sử dụng chúng thúc đẩy cho sự nhận thức của cá nhân và thúc đẩy sự thay đổi xã hội;
- Rèn luyện tư duy phản biện, khả năng quan sát cho người học;
- Làm tăng các kỹ năng thể hiện, trình bày tập thể, có sự hợp tác giữa người học với nhau (người học cùng nhau xác định phải chụp cái gì, truyền thông điệp gì);
- Giúp gia tăng sự hiểu biết về cộng đồng của chính mình (điểm mạnh và

điểm yếu, các nhu cầu, các kỹ năng và hiểu biết nên được chia sẻ là gì...);

- Làm tăng sự tự tin cho cá nhân trong việc tự vận động chính sách (cất lên tiếng nói của mình ở những bối cảnh khác nhau);

- Các nhóm yếu thế, chẳng hạn như những sinh viên hạn chế về khả năng thuyết trình đều thể hiện được tiếng nói của mình.

Năm 2006, Goodhart và cộng sự đề xuất các bước áp dụng phương pháp tiếng nói từ hình ảnh trong giảng dạy như sau:

- Xác định vấn đề;
- Phân chia tạm thời các chủ đề cho các nhóm sinh viên;
- Xác định giới hạn mục tiêu cho chủ đề;
- Tập huấn về việc chụp ảnh cho sinh viên (chẳng hạn như phải tôn trọng quyền riêng tư);
- Các nhóm sinh viên tiến hành chụp ảnh trong thực tế phù hợp với chủ đề của nhóm;
- Tiến hành thảo luận nhóm về các bức ảnh đã được chụp;
- Chọn ra các bức ảnh nói được chính xác nhất điều mà nhóm hướng tới;
- Viết bối cảnh và câu chuyện liên quan đến các bức ảnh được chọn;
- Hệ thống hóa các chủ đề, các vấn đề;
- Chuẩn bị và trình bày trước lớp.

Để việc thảo luận nhóm về các bức ảnh được hiệu quả, Wang (Schell, et al., 2009) đề xuất nguyên tắc “SHOWeD”, tức là những câu hỏi then

chốt mà những người tham gia cần trả lời như sau:

- Bạn thấy được gì trong bức ảnh? (What do you See here?)

- Điều gì thực sự đang xảy ra? (What is really Happening here?)

- Điều đó có liên quan như thế nào đến cuộc sống của chúng ta? (How does this relate to Our lives?)

- Vì sao tình huống đó, mối bận tâm, hoặc điểm mạnh ấy tồn tại? (Why does this situation, concern, or strenght exist?)

- Chúng ta có thể làm gì với điều đó? (What can we Do about it?)

Bên cạnh những lợi ích thì việc ứng dụng phương pháp tiếng nói từ hình ảnh cũng bộc lộ một số hạn chế. Hạn chế thứ nhất, phương pháp này rất khó được áp dụng trong việc giảng dạy các môn học thuộc khối khoa học tự nhiên. Hạn chế thứ hai, người học có thể bị quá tải với số lượng hình ảnh và mất nhiều thời gian để tuyển chọn những hình ảnh thể hiện được chính xác nhất quan điểm hay góc nhìn của họ. Hạn chế thứ ba, phương

pháp này có thể vi phạm đến quyền riêng tư của người khác nếu không được tập huấn kỹ lưỡng về các nguyên tắc ghi hình và sử dụng hình ảnh.

4. TẠM KẾT

Bài viết là một trình bày mang tính sơ khởi về phương pháp giảng dạy tiếng nói từ hình ảnh, một trong những phương pháp thúc đẩy sự tham gia và học tập chủ động nơi người học. Điểm mạnh nhất của phương pháp này là trao quyền cho người học trong việc thể hiện góc nhìn, trải nghiệm của bản thân thông qua hình ảnh do chính họ tạo ra, cũng tức là thúc đẩy sự bình đẳng trong dạy và học giữa người dạy và người học. Việc thảo luận về những hình ảnh sẽ mang lại cho người học sự đồng trải nghiệm vì mỗi người học sẽ có góc nhìn và những trải nghiệm khác nhau đối với từng hình ảnh được thảo luận. Đây là một phương pháp giảng dạy mang tính trao quyền cho người học, giúp gia tăng sự tự chủ của người học trong việc kiến tạo tri thức, lý giải những vấn đề mà họ quan tâm. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chio, Fandt. 2007. "Photovoice in the Diversity Classroom: Engagement, Voice, and the "Eye/I" of the Camera". *Journal of Management Education*, 31, pp. 484-504.
2. Goodhart, F.W., et al. 2006. "A View Through a Different Lens: Photovoice as a Tool for Student Advocacy". *Journal of American College Health*, Vol. 55, No. 1, pp. 53-56.
3. Giroux, H. A. 2010, "Rethinking Education as the Practice of Freedom: Paulo Freire and the promise of critical pedagogy". *Policy Future in Education*, vol. 8, no. 6, pp. 715-721.
4. Harper, D. 2002. "Talking about Pictures: A Case for Photo Elicitation". *Visual Studies*, Vol. 17, pp. 13-26.
5. Krause, K., et al. 2003. *Educational Psychology for Learning Teaching*. South Melbourne: Thomson.

6. Latz, A.O., et al. 2016. "Photovoice as Methodology, Pedagogy, and Partnership-Building Tool: A Graduate and Community College Student Collaboration" https://www.academia.edu/30203430/Photovoice_as_Methodology_Pedagogy_and_Partnership_Building_Tool_A_Graduate_and_Community_College_Student_Collaboration, truy cập ngày 26/8/2023, truy cập ngày 26/8/2023.
7. Lichty, L.F. 2013. "Photovoice as a Pedagogical Tool in Community Psychology Classroom". *Journal of Prevention & Intervention in the Community*, Vol. 41, pp. 89-96.
8. Liebenberg, L. 2018. "Thinking Critically About Photovoice: Achieving Empowerment and Social Change". *International Journal of Qualitative Methods*, vol. 17, pp. 1-9.
9. McClure, L. 2000. "Feminist Pedagogy and the Classics". *The Classical World*, vol. 94, no. 1, pp. 53-55.
10. Schell, K., et al. 2009. "Photovoice as a Teaching Tool: Learning by Doing with Visual Methods". *The International Journal of Teaching and Learning in Higher Education*, 21, pp.340-352.
11. Wang, C., Burris, M.A., 1994. "Empowerment through Photo Novella: Portraits of Participation". *Health Education Quarterly*, Vol. 21, No. 2, pp. 171-186.
12. Wang, C., Burris, M. A., 1997. "Photovoice: Concept, Methodology, and Use for Participatory Needs Assessment". *Health Education & Behavior*, Vol. 24, No. 3, pp. 369-387.
13. Wang, C. 1999. "Photovoice: A Participatory Action Research Strategy Applied to Women's Health". *Journal of Women's Health*, Vol. 8, No. 2, pp. 185-192.